

Số: 3476 /QĐ- UBND

TP Hải Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp bổ sung dự toán chi thực hiện cải cách tiền lương năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số: 309. /TTr- TCKH ngày 19/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023 số tiền 19.514.071.000 đ (Mười chín tỷ, năm trăm mười bốn triệu, không trăm bảy mươi một nghìn đồng) từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương để cấp cho các đơn vị thực hiện chế độ tiền lương cơ sở năm 2023 theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách tỉnh, số tiền: 97.000.000 đ.
- Từ nguồn ngân sách thành phố, số tiền: 19.417.071.000 đ.

Cụ thể:

- Các đơn vị dự toán, số tiền: 2.418.498.000 đ (chi tiết theo phụ lục số 01)
- Các trường học, số tiền: 16.998.573.000 đ (chi tiết theo phụ lục số 02).
- UBND các phường, xã, số tiền: 97.000.000 đ (chi tiết theo phụ lục số 03).

Điều 2. Giao các đơn vị quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố kiểm tra việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố; Kho bạc nhà nước Hải Dương; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- TT Thành ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tp;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Trần Hồ Đăng

PHỤ LỤC SỐ 02

KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023 CÁC TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3476 /QĐ-UBND ngày 20 /10/2023 của UBND TP)

Đơn vị: 1.000 đ

STT	Tên đơn vị	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2023	Trong đó	
			Nguồn tại đơn vị	Nguồn NSTP
	Tổng cộng	39.372.113	22.373.540	16.998.573
I	Khối Mầm non	10.241.333	9.312.627	928.706
1	Ái Quốc	588.789	588.789	
2	An Thượng	506.729	372.322	134.407
3	Bình Hàn	344.734	245.726	99.008
4	Bình Minh	486.426	486.426	
5	Cầm Thượng	348.068	254.690	93.378
6	Hải Tân	464.982	394.701	70.281
7	Hoa Sứ	470.175	470.175	
8	Lê Thanh Nghị	164.379	125.514	38.865
9	Nam Đồng	418.717	418.717	
10	Ngọc Châu	559.027	559.027	
11	Nguyễn Trãi	339.733	318.400	21.333
12	Nhị Châu	209.848	209.848	
13	Quang Trung	303.336	287.182	16.154
14	Tân Bình	335.779	335.779	
15	Tân Hưng	363.378	329.424	33.954
16	Thạch Khôi	404.256	375.615	28.641
17	Thanh Bình	449.064	449.064	
18	Trần Hưng Đạo	162.425	120.544	41.881
19	Trần Phú	209.445	209.445	
20	Tứ Minh	485.529	458.635	26.894
21	Việt Hoà	437.916	437.916	
22	Liên Hồng	459.320	321.908	137.412
23	Gia Xuyên	396.496	388.994	7.502
24	Ngọc Sơn	369.272	278.318	90.954
25	Tiền Tiến	563.844	475.802	88.042
26	Quyết Thắng	399.666	399.666	
II	Khối Tiểu học	16.018.072	0	16.018.072
1	Ái Quốc	574.394		574.394



[Handwritten signature]

STT	Tên đơn vị	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2023	Trong đó	
			Nguồn tại đơn vị	Nguồn NSTP
2	An Thượng	395.242		395.242
3	Bình Hàn	640.423		640.423
4	Bình Minh	811.837		811.837
5	Cẩm Thượng	440.476		440.476
6	Đặng Quốc Chính	267.191		267.191
7	Đinh Văn Tả	373.724		373.724
8	Hải Tân	707.294		707.294
9	Lý Tự Trọng	645.332		645.332
10	Nam Đồng	457.604		457.604
11	Nguyễn Lương Bằng	737.840		737.840
12	Ngọc Châu	622.181		622.181
13	Nguyễn Trãi	698.222		698.222
14	Nhị Châu	301.526		301.526
15	Phú Lương	371.421		371.421
16	Tân Bình	644.555		644.555
17	Tân Hưng	367.333		367.333
18	Thạch Khôi	568.351		568.351
19	Thanh Bình	921.257		921.257
20	Tô Hiệu	775.029		775.029
21	Trần Quốc Toản	301.236		301.236
22	Tứ Minh	898.388		898.388
23	Việt Hoà	507.341		507.341
24	Võ Thị Sáu	632.615		632.615
25	Liên Hồng	577.082		577.082
26	Gia Xuyên	416.352		416.352
27	Ngọc Sơn	359.800		359.800
28	Tiền Tiến	568.241		568.241
29	Quyết Thắng	435.785		435.785
III	Khối THCS	12.615.801	12.604.382	11.419
1	Ái Quốc	324.861	324.861	
2	An Thượng	360.257	360.257	
3	Bình Hàn	512.972	512.972	
4	Bình Minh	869.435	869.435	
5	Cẩm Thượng	328.772	328.772	

STT	Tên đơn vị	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2023	Trong đó	
			Nguồn tại đơn vị	Nguồn NSTP
6	Hải Tân	500.869	500.869	
7	Lê Quý Đôn	624.029	624.029	
8	Lê Hồng Phong	510.824	510.824	
9	Nam Đồng	356.288	356.288	
10	Ngọc Châu	954.923	954.923	
11	Ngô Gia Tự	730.469	730.469	
12	Tân Bình	1.201.846	1.201.846	
13	Tân Hưng	338.517	338.517	
14	Thạch Khôi	437.233	437.233	
15	Trần Hưng Đạo	264.077	264.077	
16	Trần Phú	427.263	427.263	
17	Tứ Minh	608.156	608.156	
18	Việt Hoà	397.632	397.632	
19	Võ Thị Sáu	936.239	936.239	
20	Liên Hồng	364.822	364.822	
21	Gia Xuyên	382.437	382.437	
22	Ngọc Sơn	392.246	380.827	11.419
23	Tiền Tiến	448.300	448.300	
24	Quyết Thắng	343.334	343.334	
IV	Sự nghiệp đào tạo	496.907	456.531	40.376
1	Trung tâm Chính trị	40.376		40.376
2	Trung tâm GDNN - GDTX	456.531	456.531	

Điều 2. Giao các đơn vị quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí theo định chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố kiểm tra việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND và UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố; Khoa bạc nhà nước Hải Dương; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tp.
- Như điều 1;
- Lưu VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Trần Hồ Đăng